

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 30/9/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Thùy Dương

2. Ông Lê Đức Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 338/2024/TLST-HNGĐ ngày 25/7/2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2024/TB-TA ngày 14 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Thúy K - Sinh năm 1990

- *Bị đơn:* anh Trịnh Thanh C - Sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: Tổ I, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng:* bà Trần Thị D, sinh năm: 1970

Địa chỉ: Tổ I, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 7 năm 2024, bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy K trình bày:**

Chị và anh Trịnh Thanh C tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, kết hôn vào năm 2008 tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Cuộc sống hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị thường xuyên cãi vã, anh C thường xuyên nhậu nhẹt và xúc phạm chị. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Thanh C.

Về con chung: anh chị có hai người con chung là cháu Trịnh Thanh K1, sinh ngày 29/01/2009 và Trịnh Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 05/8/2013. Khi ly hôn, chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung mà không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị K khai không có, không yêu cầu giải quyết.

*** Anh Trịnh Thanh C vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc nên không có lời trình bày.**

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa:**

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự từ khi thụ lý cho đến nay đều đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thúy K. Cho chị K được ly hôn với anh Trịnh Thanh C; giao hai con chung cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời anh C không phải cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung không có không giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: chị Nguyễn Thị Thúy K có đơn khởi kiện đối với anh Trịnh Thanh C yêu cầu ly hôn, nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Hiện anh Trịnh T Chung cư trú tại xã B, huyện C. Như vậy, căn cứ theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy K và anh Trịnh Thanh C tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân. Kết hôn vào ngày 30/7/2008 tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh nên được xem là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét lời khai của chị K nhận thấy, cuộc sống hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, anh C thường hay nhậu và không tôn trọng chị. Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã triệu tập anh C nhiều lần đến làm việc nhưng anh C vắng mặt chứng tỏ anh C cũng không mong muốn hàn gắn cuộc hôn nhân này.

Mặt khác, quan biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Trần Thị D là Tổ trưởng tổ I, ấp T là nơi anh C1, chị K cư trú cung cấp: Cuộc sống chung giữa chị K, anh C thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người thường cãi nhau và hiện nay thì không ai nói chuyện với ai.

Như vậy, có thể thấy cuộc sống hôn nhân của chị K, anh C không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K là phù hợp.

- Về con chung: Khi ly hôn chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là các cháu Trịnh Thanh K1, sinh ngày 29/01/2009 và Trịnh Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 05/8/2013. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị K là phù hợp với quy định của pháp luật, hiện nay chị K có công việc và chỗ ở ổn định, hơn nữa từ khi thụ lý tới nay anh C cũng không có ý kiến về vấn đề này. Do vậy cần giao cả hai cháu K1 và Như cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu và quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K không yêu cầu cấp dưỡng và anh C không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] về tài sản chung, nợ chung: Chị K khai không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội Đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và các Điều 51, 56,,81,82,83,84 và 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Cho chị Nguyễn Thị Thúy K được ly hôn với anh Trịnh Thanh C.

2. Về con chung: giao hai cháu Trịnh Thanh K1, sinh ngày 29/01/2009 và Trịnh Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 05/8/2013 cho chị Nguyễn Thị Thúy K trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tạm thời anh Trịnh Thanh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ. Khi cần thiết các đương sự được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị K khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy K nộp 300.000 đồng án phí LHST, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị K đã nộp tại biên lai số 0012354 ngày 22/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Chị K đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai
- Viện kiểm sát H. Cẩm Mỹ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã Mỹ Đức;
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Trung